

## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG MÁU VÀ CHẾ PHẨM MÁU TRONG LĨNH VỰC NGOẠI KHOA TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NAM

Phạm Thế Vinh<sup>1</sup>, Lê Thị Tuấn<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Máu là một chế phẩm rất đặc biệt cần thiết cho điều trị bệnh.

**Mục tiêu:** Khảo sát một số đặc điểm lâm sàng và huyết học của các bệnh lý hệ ngoại khoa có chỉ định truyền máu; Đánh giá nhu cầu sử dụng máu và chế phẩm máu trong lĩnh vực ngoại khoa.

**Phương pháp:** Nghiên cứu trên 182 bệnh nhân hệ ngoại có chỉ định truyền máu và/hoặc chế phẩm máu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam từ ngày 01/4/2014 đến 30/6/2014.

**Kết quả:** Tổng cộng có 667 đơn vị máu được cấp phát trong đó khối hồng cầu được sử dụng là 80,2%; máu toàn phần là 4,9%; Huyết tương tươi đông lạnh là 14,9%. Số lượng máu và chế phẩm máu sử dụng trong 24 giờ đầu tiên là 401 đơn vị chiếm tỷ lệ 60,2%.

Nhóm bệnh sử dụng máu nhiều nhất là bệnh hệ tiêu hóa và hệ cơ xương khớp. Độ tuổi có chỉ định truyền máu nhiều nhất là > 60 tuổi. Nhóm máu được sử dụng nhiều nhất là nhóm máu O, nhóm máu được sử dụng ít nhất là nhóm máu AB.

**Từ khóa:** Máu, chế phẩm máu, ngoại khoa.

### ABSTRACT

#### IDENTIFYING NEEDS OF USING BLOOD AND BLOOD PRODUCTS FOR SURGICAL PATIENT IN QUANG NAM GENERAL HOSPITAL

Pham The Vinh<sup>1</sup>, Le Thi Tuan<sup>1</sup>

Blood is a very special product to use for patients treatment.

**Objective:** Surveying some clinical and hematological features of surgical patient indicated blood transfusion; Evaluate the needs of using blood and blood products for surgical patient

**Method:** Studies on 182 patients with external systems indicated a blood transfusion and/or blood products at the General Hospital in Quang Nam Province from 01/4/2014 to 30/06/2014.

**Results:** Total of 667 single blood units are allocated in which packed red blood cell is used for 80.2%; whole blood is 4.9%; Fresh frozen plasma is 14.9%. The number of blood and blood products used in the first 24 hours is 401 units accounted for 60.2%.

Patients with disease of digestive system diseases and musculoskeletal systems use blood with the highest number. Age group > 60 years was often indicated for blood transfusion. The O blood group was the most widely used, whereas the AB blood group was used at least.

**Key words:** Blood and blood products, surgery.

1. Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam

- Ngày nhận bài (received): 21/10/2014; Ngày phản biện (revised): 15/11/2014;  
- Ngày đăng bài (accepted): 29/11/2014  
- Người phản biện: BSKII Nguyễn Thị Hồng Hạnh, BSKII Trần Văn Lượng  
- Người phản hồi: Phạm Thế Vinh. - Email: vinhbsck2@gmail.com

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Máu là sự sống. Từ xưa đến nay, vai trò và lợi ích của truyền máu đã được khẳng định trong nhiều bệnh cảnh lâm sàng ở nhiều chuyên khoa khác nhau. Liệu pháp truyền máu được xem là một trong những liệu pháp điều trị rất hữu hiệu, góp phần nâng cao hiệu quả điều trị, đặc biệt là trong những bệnh lý ngoại khoa mất máu cấp như các trường hợp đa thương do tai nạn giao thông, hay các trường hợp vỡ tạng do tai nạn, các tai biến sản khoa...

Nhằm phát huy tối đa hiệu quả của liệu pháp truyền máu, góp phần nâng cao chất lượng điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân, chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu:

1. Khảo sát một số đặc điểm lâm sàng và huyết học của các bệnh lý hệ ngoại khoa có chỉ định truyền máu;
2. Đánh giá nhu cầu sử dụng máu và chế phẩm máu trong lĩnh vực ngoại khoa.

## **II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Tất cả bệnh nhân nhập viện điều trị tại các khoa lâm sàng hệ ngoại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam có chỉ định truyền máu và/hoặc chế phẩm máu trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2014 đến ngày 30/6/2014.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 17.0.

## **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Đặc điểm lâm sàng và huyết học của nhóm nghiên cứu**

*Bảng 3.1. Phân bố bệnh nhân theo độ tuổi*

| Độ tuổi   | n   | %    | p      |
|-----------|-----|------|--------|
| 16 - 30   | 48  | 26,4 | < 0,01 |
| 31 - 45   | 42  | 23,1 |        |
| 46 - 60   | 21  | 11,5 |        |
| > 60      | 71  | 39,0 |        |
| Tổng cộng | 182 | 100  |        |

*Bảng 3.2. Phân bố bệnh nhân theo giới*

| Độ tuổi   | n   | %    | p      |
|-----------|-----|------|--------|
| Nam       | 104 | 57,1 | > 0,05 |
| Nữ        | 78  | 42,9 |        |
| Tổng cộng | 182 | 100  |        |

*Bảng 3.3. Phân bố bệnh nhân theo nhóm máu ABO*

| Nhóm máu  | n   | %    | p      |
|-----------|-----|------|--------|
| A         | 39  | 21,4 | < 0,01 |
| B         | 59  | 32,4 |        |
| AB        | 07  | 3,8  |        |
| O         | 77  | 42,4 |        |
| Tổng cộng | 182 | 100  |        |

*Bảng 3.4. Tỷ lệ các nhóm bệnh của mẫu nghiên cứu theo phân loại ICD - 10*

| Nhóm bệnh                           | n   | %    | p      |
|-------------------------------------|-----|------|--------|
| Bệnh hệ thần kinh                   | 10  | 5,5  | < 0,01 |
| Bệnh hệ hô hấp                      | 02  | 1,1  |        |
| Bệnh hệ tiêu hóa                    | 42  | 23,1 |        |
| Bệnh cơ xương khớp                  | 40  | 22,0 |        |
| Bệnh tiết niệu sinh dục             | 31  | 17,0 |        |
| Bệnh thai nghén, sinh đẻ và hậu sản | 31  | 17,0 |        |
| Bệnh tổn thương nhiều cơ quan       | 26  | 14,3 |        |
| Tổng cộng                           | 182 | 100  |        |

### **3.2. Nhu cầu sử dụng máu và chế phẩm máu trong lĩnh vực ngoại khoa**

*Bảng 3.5. Tỷ lệ các chế phẩm máu được sử dụng*

| Loại chế phẩm máu sử dụng  | n   | %    |
|----------------------------|-----|------|
| Khối hồng cầu              | 535 | 80,2 |
| Máu toàn phần              | 33  | 4,9  |
| Huyết tương tươi đông lạnh | 99  | 14,9 |
| Tổng cộng                  | 667 | 100  |

*Bảng 3.6. Tỷ lệ máu và chế phẩm máu được sử dụng trong 24 giờ đầu tiên*

| Loại chế phẩm máu sử dụng  | n          | %          |
|----------------------------|------------|------------|
| Khối hồng cầu              | 354        | 88,3       |
| Máu toàn phần              | 16         | 4,0        |
| Huyết tương tươi đông lạnh | 31         | 7,7        |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>401</b> | <b>100</b> |

*Bảng 3.7. Tỷ lệ khối hồng cầu và máu toàn phần được sử dụng*

| Chế phẩm máu  | n          | %          | p      |
|---------------|------------|------------|--------|
| Khối hồng cầu | 535        | 94,2       | < 0,01 |
| Máu toàn phần | 33         | 5,8        |        |
| <b>Cộng</b>   | <b>568</b> | <b>100</b> |        |

*Bảng 3.8. Nhu cầu sử dụng huyết tương tươi đông lạnh*

| Nhu cầu sử dụng FFP                | n         | %          |
|------------------------------------|-----------|------------|
| Số bệnh nhân sử dụng 2 đơn vị FFP  | 14        | 58,3       |
| Số bệnh nhân sử dụng 3 đơn vị FFP  | 1         | 4,2        |
| Số bệnh nhân sử dụng 4 đơn vị FFP  | 4         | 16,6       |
| Số bệnh nhân sử dụng 5 đơn vị FFP  | 1         | 4,2        |
| Số bệnh nhân sử dụng 10 đơn vị FFP | 2         | 8,3        |
| Số bệnh nhân sử dụng 12 đơn vị FFP | 1         | 4,2        |
| Số bệnh nhân sử dụng 15 đơn vị FFP | 1         | 4,2        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>24</b> | <b>100</b> |

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Về đặc điểm lâm sàng và huyết học của nhóm nghiên cứu

Về độ tuổi và giới tính: Bảng 3.1 cho thấy nhóm bệnh ngoại khoa có chỉ định truyền máu gặp nhiều nhất là ở độ tuổi > 60 với 39%, tiếp theo là độ tuổi 16 – 30 chiếm tỷ lệ 26,4% và độ tuổi

31 – 45 là 23,1%. Sự khác biệt giữa các độ tuổi có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,01$ . Theo Nguyễn Ngọc Minh, ở người tuổi lớn, truyền máu thường được chỉ định rộng rãi hơn, các Bác Sĩ lâm sàng có thể chỉ định truyền máu khi hemoglobin trong khoảng 80 – 90 g/l [3]. Về giới tính, Bảng 3.2 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân nam được chỉ định truyền máu là 57,1% và nữ là 42,9%, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

**Đặc điểm hệ nhóm máu ABO:** Kết quả Bảng 3.3 cho thấy bệnh nhân có nhóm máu O chiếm tỷ lệ 42,4%, nhóm máu A 21,4%, nhóm máu B 32,4% và nhóm AB chiếm tỷ lệ 3,8%, sự khác biệt có ý nghĩa với  $p < 0,01$ . Nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với sự phân bố về tần suất nhóm máu trong quần thể người Việt Nam và của một số tác giả nghiên cứu trước đây.

**Đặc điểm bệnh lý theo phân loại ICD – 10:** Kết quả Bảng 3.4 cho thấy theo phân loại ICD-10, nhóm bệnh hệ tiêu hóa và hệ cơ xương khớp chiếm tỷ lệ cao nhất với tỷ lệ lần lượt là 23,1% và 22%. Nghiên cứu tại TP Hồ Chí Minh của Nguyễn Trường Sơn (2011), cho biết tỷ lệ bệnh nhân chấn thương bụng và bệnh gãy xương chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm các trường hợp truyền máu trong 24 giờ đầu tiên [4].

##### 4.2. Về nhu cầu sử dụng máu và chế phẩm máu trong lĩnh vực ngoại khoa

**Nhu cầu sử dụng các chế phẩm máu:** Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở Bảng 3.5 cho thấy có tổng cộng 667 đơn vị được sử dụng trong đó Khối hồng cầu là 535 đơn vị chiếm tỷ lệ 80,2%; tỷ lệ sử dụng máu toàn phần là 4,9% và Huyết tương tươi đông lạnh là 14,9%. Như vậy, có thể nói rằng tỷ lệ sử dụng máu từng phần mà cụ thể là khối hồng cầu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam rất cao, đây là điều được khuyến cáo trong phương châm truyền máu hiện đại.

Bảng 3.6 cũng cho thấy có 401 đơn vị máu và chế phẩm máu được sử dụng trong 24 giờ đầu tiên chiếm tỷ lệ 60,2% (so với 667 đơn vị máu được sử dụng) trong đó chủ yếu là khối hồng cầu

với 88,3%. Có lẽ truyền máu trong lĩnh vực ngoại khoa liên quan nhiều đến các trường hợp phẫu thuật cấp cứu, trong đó có một số trường hợp phải truyền máu khối lượng lớn.

**Nhu cầu sử dụng máu toàn phần và khối hồng cầu:** Bảng 3.7 cho thấy khối hồng cầu được sử dụng chiếm đa số (94,2%) so với máu toàn phần (5,8%). Theo nghiên cứu của Shooshtari M.M. (2005) khối hồng cầu sử dụng đến 83,5%, máu toàn phần chỉ 9,4%; Trần Văn Lượng nghiên cứu tại Bệnh viện Trung ương Huế (2011) cho thấy tỷ lệ sử dụng khối hồng cầu là 67,8% và máu toàn phần 32,2% [2], [6].

**Nhu cầu sử dụng huyết tương tươi đông lạnh:** Bảng 3.5 cho thấy có 99 đơn vị FFP được sử dụng chiếm tỷ lệ 14,9% so với tổng số các chế phẩm máu được sử dụng. Bảng 3.8 cho thấy chỉ có 24 bệnh nhân ngoại khoa có chỉ định sử dụng FFP, trong đó có 14/24 bệnh nhân sử dụng 2 đơn vị chiếm tỷ lệ 58,3%; số lượng FFP được sử dụng nhiều nhất cho một bệnh nhân là 15 đơn vị

(1 bệnh nhân). Có thể nói nhu cầu sử dụng FFP ở bệnh nhân ngoại khoa là không nhiều.

## V. KẾT LUẬN

1. Bệnh ngoại khoa có chỉ định truyền máu gặp nhiều nhất là > 60 tuổi, tiếp theo là độ tuổi 16–30 và độ tuổi 31–45 ( $p < 0,01$ ). Nhóm máu O chiếm tỷ lệ cao nhất với 42,3% và nhóm AB chiếm tỷ lệ thấp nhất 3,8% ( $p < 0,01$ ).

2. Theo phân loại ICD-10, nhóm bệnh hệ tiêu hóa và hệ cơ xương khớp chiếm tỷ lệ cao nhất với tỷ lệ lần lượt là 23,1% và 22, ( $p < 0,01$ ). Bệnh nhân ngoại khoa được chỉ định truyền máu có hàm lượng Hemoglobin trong khoảng 70 – 90 g/l là 53,8%.

3. Tổng cộng có 667 đơn vị máu được cấp phát cho bệnh nhân hệ ngoại trong 3 tháng của quý 2 năm 2014, trong đó khối hồng cầu được sử dụng là 80,2%; máu toàn phần là 4,9%; Huyết tương tươi đông lạnh là 14,9%. Số lượng máu và chế phẩm máu sử dụng trong 24 giờ đầu tiên là 401 đơn vị chiếm tỷ lệ 60,2%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2001), *Bảng phân loại quốc tế về bệnh tật ICD - 10*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, trang 10-11.
2. Trần Văn Lượng (2011), *Nghiên cứu chỉ định truyền máu, tình hình sử dụng máu và chế phẩm máu tại Bệnh viện Trung ương Huế*, Luận án chuyên khoa II, Nội khoa, Trường Đại học Y Dược Huế.
3. Nguyễn Ngọc Minh (2007), “Liệu pháp truyền máu”, *Bài giảng Huyết học Truyền máu - Sau đại học*, Nhà xuất bản Y học, trang 698-702.
4. Nguyễn Trường Sơn và cs (2011), “Một số nhận xét truyền máu trong 24 giờ đầu tiên trên bệnh nhân đa chấn thương tại Bệnh viện Chợ Rẫy”, *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, 15(4), tr. 239– 244.
5. Afzal S. (2013), “A comparison of public and private hospital on rational use of blood in Islamabad”, *J Par Med Assoc*, 63(1), pp. 85- 9.
6. Shooshtari M.M. (2005), Analysis of the use of whole blood and blood components in ten years period in Iran, *Vox sanguinis*, 89(2), pp. 65.